

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Bà Trần Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 07-8-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2023/TLST- HNGĐ ngày 12-5-2023 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-7-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc Thùy D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 07/03/04/19 đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Thanh N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 07/03/04/19 đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay tại địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đặng Ngọc Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006, bà D và ông N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh. Trong thời gian đầu thì ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D và ông N có 02 người con chung là Lê Bảo D (nam, sinh ngày 20-6-2006) và Lê Ngọc Bích H (nữ, sinh ngày 17-10-2015) hiện đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Ngọc Thùy D trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Lê Thanh N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn chưa chấp hành nghiêm quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Ngọc Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là ông Lê Thanh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, ông N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan hay sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 2, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Ngọc Thùy D và ông Lê Thanh N.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đặng Ngọc Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Lê Thanh N có nơi cư trú tại xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Đối với bị đơn là ông Lê Thanh N sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N nhưng ông không có kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, tại thời điểm kết hôn bà D với ông N đủ điều kiện kết hôn và không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà D và ông N rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông bà không còn thương yêu nhau. Do đó, bà D và ông N đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không sống chung với nhau như vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[5]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D và ông N có 02 người con chung là Lê Bảo D (nam, sinh ngày 20-6-2006) và Lê Ngọc Bích H (nữ, sinh ngày 17-10-2015) hiện đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do cháu Hà và cháu Duy hiện nay đang sống chung với bà D và do bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, các cháu đang sống ổn định, được đảm bảo việc học hành. Do đó, nhằm ổn định sự phát triển về mọi mặt tâm sinh lý, đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như học hành của cháu H và cháu D nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là cháu Hà và cháu Duy cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi) là phù hợp. Ngoài ra, do bà D tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Lê Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D tự trình bày là không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về trình tự tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Ngọc Thùy D được ly hôn với ông Lê Thanh N.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Bảo D (nam, sinh ngày 20-6-2006) và Lê Ngọc Bích H (nữ, sinh ngày 17-10-2015) cho bà Đặng Ngọc Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Ông Lê Thanh N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Ngọc Thùy D tự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Ngọc Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018974 ngày

30-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên bà Đặng Ngọc Thùy D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

